

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

QUYỂN 8

THIỆN SỰ TỪ THỌ RẪN DẠY NHỮNG NGƯỜI ĐỒNG HẠNH

Thế đế lãng xăng không thể hiểu rõ; được vào cửa “Không” là tiện nghi. Ngày đêm phải tinh tấn, chớ để thời gian luống qua vô ích. Đốt hương lễ bái chớ lơ là, mắt nhìn tâm đối trước Thánh dụng. Sám hối tội lỗi bụi nhơ nhiều đời, nguyện dùng nước pháp rửa sạch tâm nhơ.

Tâm vương dễ buông lung, đâu thể dạy phúng tụng.

Ý ngựa khó điều phục cũng phải điều phục.

Đến già tình trần không quét sạch, bốn thứ cần dùng xuất gia e khó tiêu.

Cũng cần đọc sách, tụng kinh, tâm địa xuất gia phải rõ ràng. Ngày nào đó tu hành nghiêm chỉnh, mọi việc tạm thời đều sẵn đủ.

Một là xuất gia làm đệ tử, thờ phụng thầy như cha mẹ, thêm hương, thay nước phải siêng năng, tự có trời rồng soi chiếu người.

Áo quần giày dép phải ngay ngắn, sắp xếp khăn đơn phải ngăn nắp. Thân bốn oai nghi thường đầy đủ, chớ theo kẻ ngu học thô sơ. Dưới hiên gặp tăng phải hỏi han, trước cửa gặp khách (1081) phải gọi người ra tiếp, xuất gia ý phải khiêm nhường, chớ học người ngu không lễ nghĩa.

Xuất gia không dứt năm thứ rau cay nồng và rượu, thật uống ở trong đất già-lam, đến già ruộng tâm nếu chưa thanh tịnh, thì hạt giống Bồ-đề cũng khó sinh. Chớ nói chuyện hay, dở của người, nói đi nói lại tự vời lấy tai ương, nếu ngậm miệng dấu lưỡi chính là cách an thân bậc nhất.

Chớ học người ngu nói lung tung, nói lung tung thì đâu có cùng, trong chỗ tối chớ nói người không thấy, chỉ sợ khó lừa dối Mã tướng công.

Sắc thân mạnh mẽ chớ tham ngủ, làm việc siêng năng phải trước mặt, không thấy hành giả xác phờng lô. Y bát Tổ sư là đó truyền.

Hai thời khắp thỉnh phải đến trước, nhiều tay có thể làm việc

không sai, phúng tụng một quyển kinh của Như Lai, hơn nhàn rồi miệng nói ba ba. Hương cất trong kho phải dụng tâm, rỗng voi Ngũ hồ ở tông lâm, liếc sao nhìn trăng tuy khổ nhọc, phải tin nhân sâu quả cũng sâu.

Không được trộm một phân hào thường trụ, ngày sau vạn lần e khó trả. Đầu lợn chân lừa hiện rõ ràng, đất Phật đời nay quét chưa thôi. Việc nhà tinh thô nên thương tiếc, khi sai mắt cần phải nhìn xem, chớ có tha hồ ném bỏ đi, người dùng phải biết thành công khó.

Các kiêu nhận lỗi phải siêng năng, quét sân nấu trà chớ chán vội, phụng sự chúng thường nên dè dặt, thân tâm như thế mới xuất gia. Có khi duyên cán ra đầu đường, chiếu cố con trâu được quy sơn, ngoài cửa cỏ xanh thường mang theo. Sợ nhàn sẽ mất e khó thu.

Đứng mà khoanh tay không thể làm, ấy chẳng phải là người xuất gia, gặp người xụ mặt rồi bỏ đi, đáo để người no chẳng phải si.

Khi ba lần tắm gội vào đường, nhớ sạch phải phân y thương hạ, nói cười lớn tiếng đều không được, chớ có đi thô tháo phá oai nghi.

Xuất gia ngôn hạnh phải tương ưng, chú ý thường như đập băng mỏng, tuy rằng chưa bỏ râu và tóc, phải dạy bỏ đi tiện như tăng.

Khuyên tăng chăm sóc bệnh: Tỳ-kheo bốn biển vô gia đình, bị bệnh, cô quạnh giường rách nát, tâm tịch cô liêu mình rên rỉ, cháo thuốc phải cần người trông coi.

Người bệnh dễ sinh tâm phiền não, người mạnh thường ôm lòng trắc ẩn, cả hai thân mạng đều tồn tại, lão Tăng viết kệ dạy tông lâm.

Khí ẩm gió lừa như bị bệnh, không biết bệnh thiên hay là thuốc, nạp Tăng lại suy nghĩ thuốc hay, rồi lại ôm đầu miệng la lớn. Văn Thiên sư Đại Tuệ lễ Quán Âm: Thanh Tịnh ba nghiệp, nhất tâm, năm vóc sát đất quy y. Nam-mô Thập phương từ phụ quảng đại linh cảm Quán Thế Âm Bồ-tát. Con nghe Bồ-tát từ văn tư tu mà vào Tam-ma-địa, được hai tùy thuận, bốn bất tư nghị, mười bốn vô úy, mười chín thuyết pháp, bảy nạn hai cầu, ba mươi hai ứng thân, vô lượng công đức, khởi oai lực lớn, phát thệ nguyện rộng, đồng vào chín cõi sáu đường bốn loài, trong đường sinh tử phát khởi trăm ngàn muôn ức vô lượng hằng hà sa số kiếp khéo hành phương tiện, cứu độ tất cả chúng sinh, không có dừng nghỉ. Nay con thành tâm cầu khẩn chắc chắn được che chở. Thầm nghĩ mỗ giáp (con) đời trước có được duyên lành nên đời nay sinh ra gặp Phật pháp, thân tuy xuất gia mà tâm chưa thấm mùi đạo. Ngu si tà kiến, các căn hôn mê, các kinh sách trong ngoài tuy có học mà chương cú diệu lý không hiểu được. Lại sợ, phước lực cạn mỏng, mạng sống không bao lâu, luống vào cửa không, sống say chết mộng vô ích. Nay con rửa sạch

tim gan khóc lóc thảm thiết, đầu thành đảnh lễ, suốt ngày thâu đêm nghĩ đến hình tượng Ngài, thọ trì danh hiệu Ngài, lễ bái Thánh tướng, chỉ mong Bồ-tát dùng mắt trời nghe tiếng, dùng lòng từ bi cứu khổ, thương xót che chở, phát ra ánh sáng đại thần chiếu soi thân tâm con. Chốc lát nước cam lồ rưới tiêu trừ. Suốt ngày đêm, lúc nằm ngồi quán thân Bồ-tát phát ra ánh sáng đại thần, khai tuệ tánh cho con, làm cho con tức thời thần thông phát sáng, trí tuệ thông minh, tất cả kinh sách tự nhiên thông hiểu, được đại biện tài, đắc đại trí tuệ, được đại thọ mạng, được đại an lạc; tham thiền học đạo không có các ma chướng, ngộ Vô sinh nhẫn, đời đời kiếp kiếp hành đạo Bồ-tát, bốn ơn đều báo, ba cõi đều vượt, pháp giới chúng sinh đồng viên chủng trí.

CÁCH TỤNG KINH QUÁN TÂM CỦA ĐẠI SƯ THIÊN THAI TRÍ GIẢ.

Muốn tụng kinh để diệt trừ tội lỗi. Thứ nhất phải tắm gội sạch sẽ, oai nghi nghiêm chỉnh, trải tòa ngồi kiết già. Thứ hai là nhập quán tòa ngồi cao rộng nghiêm đẹp. Kế phải vận tâm quán. Quán ta có khả năng làm Pháp sư truyền bá chánh pháp của Phật, nói pháp cho bốn chúng nghe và muốn tiếng nói pháp này vang xa, không chỉ một quần chúng ở đây mà khắp cả chúng sinh mười phương đều nghe nhận. Đây gọi là giả quán. Kế đến quán người năng thuyết, kinh sở niệm, cái nào là Kinh, là quyển kinh, cái nào là giấy mực.

Người tụng là tâm niệm, hay miệng niệm, hay răng lưỡi hợp lại mà thành tiếng tụng? Là có thân ta hay không có thân ta? Ai là người niệm Quan bốn chúng này là thật có hay do hậu tướng sinh. Bốn chúng chẳng thật có, suy tìm rất ráo không có ngã. Người sở niệm gọi là không quán. Tuy không có kinh năng niệm, mà có quyển kinh, giấy mực vẫn tự. Tuy không có người năng niệm mà có thân ta tuyên niệm cho bốn chúng nghe. Tuy không có trong ngoài mà lại không lìa trong ngoài. Tuy không có quyển kinh mà không lìa quyển kinh. Tuy không có tâm, miệng mà không ngoài tâm miệng. Từ đầu đến cuối chắc chắn không sai lầm gọi là không thể nghĩ bàn. Có thể hiểu, có thể quán gọi là Ba quán. Ngay trong một niệm đắc Ba quán không trước không sau, rõ ràng tuy không có người thì mà có pháp thí. Tuy không có người nhận mà có bốn chúng rõ ràng. Tuy không có một, hai, ba mà có một, hai, ba, đó gọi là pháp thí Đản ba-la-mật. Chuyên tâm chấp trì không có các ngăn ngại, gọi là trì giới. Nhẫn nại, danh, văn tài lợi đều không thể làm não hại. Đó gọi là Nhẫn. Nhất tâm không tán loạn, từ đầu đến cuối không

có hổ thẹn gọi là tinh tấn. Chuyên niệm kinh này không có vị ái, đó gọi là Thiền. Phân biệt không sai tựa chánh lưu thông điều liễu rõ. Câu chữ rõ ràng gọi là Bát-nhã. Đây gọi là đầy đủ Ba-la-mật. Tự thực hành pháp này gọi là Thật. Truyền trao cho người ngoài gọi là Quyền. Nếu từ sinh đến già một đời đã xong thì thành tựu công đức này. Đối với tâm từ vô thí gọi là hạt giống chánh nhân. Nếu có tâm quán gọi là liễu nhân; trên tòa cao nói trao nhân duyên cho bốn chúng gọi là Nhân duyên. Ba nhân đầy đủ, nếu quán chưa rõ chỉ là tánh đức, thì phải nghiên tầm không thôi, quán tâm tương ứng gọi là gá vào Thánh thai, để nghiệp thai thành tựu gọi là Tu đức. Bốn mươi hai vị trung gian cũng gọi là Tánh tu. (1082), đạt đến quả cùng tột gọi là chủng trí. Ba điểm chữ Y không ngang không dọc gọi là Đại niết-bàn, gọi là Đáo bỉ ngạn, gọi là đại tuệ, đệ nhất nghĩa không bình đẳng. Đó gọi là Niệm kinh chánh quán. Chư Phật ba đời đều từ đây mà sinh. Người tin hãy thí, không hỏi chớ nói. Thứ ba là lưu thông: Nếu tự điều tự độ không gọi là Từ. Thấy khổ không cứu thì chẳng gọi là Bi. Đã tu chánh quán hiện tiền, lại phải trang nghiêm pháp giới sở niệm kinh xong. Sau khi xuất quán, nhờ công đức quán này mà bước lên Chánh giác; nguyện độ chúng sinh nhập các quả vị, đều lên Thượng địa, người chưa nhập quả vị thì vận dụng hai pháp từ bi nguyện tận đời vị lai thành Đẳng chánh giác.

PHÁP QUÁN TÂM THỰC.

Đã trải tòa ngồi xong, vị Duy-na tiến chỉ hô khánh, sau đó chính tay cúng dường, nhất thể Tam bảo, khắp mười phương thực hành Phật sự. Kế là xuất sinh cơm, xứng thí khắp sáu đường, tức là biểu thị sáu Ba-la-mật. Sau đó thọ thức ăn này. Phàm cơm là mạng sống của chúng sinh, nếu không nhập quán tức là làm tươi nhuần sinh tử. Nếu biết được nhập quán phân biệt sinh tử, hữu biện vô biên, thì bất luận khát thực và chúng sinh tịnh, cơm thanh tịnh đều phải thực hành quán. Người quán tự sợ cơm cũ trong thân này đều là vô minh phiền não làm tăng thêm sinh tử. Thức ăn này đều tưởng là Bát-nhã. Đối với thức ăn lâu từ nơi lỗ chân lông lần lượt phát sinh. Thức ăn phát sinh rồi thì đường tâm liền mở. Nay ăn cơm mới chiếu soi các tối tăm cho tiêu diệt, thành Bát-nhã. Cho nên ngài Tịnh Danh nói: Đối với thức ăn bình đẳng, với pháp cũng bình đẳng, đây là chứng minh rõ. Vì thức ăn này thành cơm Bát-nhã có công năng nuôi dưỡng pháp thân. Pháp thân được lập thì được giải thoát. Đây là ba đức chiếu soi thức ăn này không cũ không mới, mà có cũ của thức ăn cũ và có mới của thức ăn mới, đó gọi là Giả. Cầu cũ không được, cầu

mới không được, rốt ráo vắng lặng gọi là Không. Quán thức ăn từ đâu mà có. Là mới đã không có thức ăn mới, ở đâu có thức ăn mà không là thức ăn cũ. Nuôi dưỡng thân mà cơm mới thì thêm lợi ích. Nhân duyên hòa hợp không thể phân biệt trước sau, gọi là Trung, chỉ trung tức là giả không, chỉ không tức là trung giả, chỉ giả tức là không trung, không thể nghĩ bàn gọi là Trung đạo. Lại Ngài Tịnh Danh nói không có phiền não không là phiền não, không có Ý nhận định, đó gọi là Pháp thực. Bài văn nói về ba y của Luật Sư Đại Trí. Ta có ba y, các bậc Thánh xưa theo quy tắc chân chánh dùng vải thô để che thân. Nếu mặc áo lông thú, tơ tằm thì sẽ hại mạng chúng sinh, làm tổn lòng từ bi, ba màu xanh, đen và mộc làm nhuộm lại thành màu hoại sắc, năm chánh năm gian sẽ bị người thế tục chê bai. Vâng giữ nó như chim hai cánh, che chở nó như lớp da mỏng ngoài thân, tin nó là cờ nêu của hàng sa chư Phật, là khuôn phép của các bậc Sa-môn Thánh hiền, là điều đầu tiên cho chín mười sáu pháp ngoại đạo khởi tín tâm, là nền tảng gieo trồng ruộng phước của hai mươi lăm cõi. Bởi thế Kiên Thệ Thụ Vương chịu đựng cái chết mà Tần-già xưng tán. Nữ Liên Hoa Sắc làm trò cười mà dứt hết tham si. Hoàng thệ rất nặng, chí đức khó bàn, rồng thoát khỏi họa chim cánh vàng, người hèn nông nổi, chánh giáo suy đồi, đua nhau mặc đồ sắc sỡ, cười giỡn nghênh ngang, cống cao ngã mạn, khinh chê bậc thạc đức, học theo thói thế tục, ngu si không biết sai quấy, ông phải cung kính bậc mô phạm, tôn trọng ân từ. Thường tự vui bước bước chớ lia, gá thân vào lạc quốc, buộc châu trong áo, hiện thân trong cõi nhĩn, báo đáp thường theo. Kiếp đá có thể tiêu mòn, muốn lời nói này không mai một, hư không có cùng tận, giữ chí này không đổi dời.

BÀI PHÚ VỀ BÁT SẮT

Ta có cái bát sắt, chứa đựng nửa đấu, không lớn không nhỏ, khỏi trúc xông huân, sáng sạch như minh châu hai phần, giống như trăng tròn sáng, sáng sớm vào xóm làng, mọi người trông thấy điều ưa thích, Kê vàng rơi vãi như có cát vàng, đống cao rõ ràng như chứa tuyết, cùng với sự biến hiện của hương tích chẳng khác, so với cúng dường cõi trời tự nhiên đâu khác. Than ôi đồng chiếc thuyền nên tự uốn nắn. Không cày cấy, không bữa gặt, mạng có sống từ đâu mà sống. Miệng bụng không biết chán, nguồn tham không cạn dứt, chánh niệm hơi trái, la sát đã đoạt, ham thích ngon ngọt một thời mà chịu đói khát muôn kiếp, vạn vàng có thể nhận, bảo đảm với anh chưa thấu suốt. Chén nước khó kham Thánh giáo nói rõ, chính là không trái với năm quán ba đề có tiết,

cần thận chớ lường phí tín thí kia để nuôi dưỡng tấm thân ô uế, biết rằng cần phải có duyên giúp đỡ này sớm cầu tự giải thoát.

BÀI PHÚ NÓI VỀ TỌA CỤ

Ta có tọa cụ lượng đúng cỡ, mẫu giống như Cà-sa; vật thể nó thì hai lớp vải thô, dài bốn tấc, rộng ba tấc, hoại cái mới chồng lên cái cũ, hình nó to, có thể tăng thêm thân nhỏ của ta. Bắt đầu từ lúc thích loại lớn, ghét loại nhỏ, chỉ trách người sai trái với quy chế mà khai cho. Đâu biết mình sai lầm, từng nghe thân tỳ-kheo là thấp năm phần. Ni-sư-đàn là nền của bốn phương, chính là bốn tướng của đạo giả, đâu thích hợp với thân mà giữ gìn. Ngồi thiền giảng pháp trải ra, chớ đánh mất oai nghi. Vào xóm làng, du phương chớ lìa nó một bước. Không như vậy thì trái với luật, chế, một đời chỗ ngồi không đúng như pháp.

ĐÂY LỘC NƯỚC.

Ta có đây lọc nước dùng vải dầy làm đáy, sắt nóng làm khuôn, dùng nó phải nhìn kỹ, nếu thả nó ra thì dè dặt kẻo bị tổn thương. Nên biết Phật ta nhân từ còn không làm hại một vật nhỏ. Nếu ta uống thì may được tránh khỏi tai ương khác, trong một hóa cảnh thượng trung hạ đều chế, trong nửa do-tuần qua lại phải đem, đời thường xem thường cuối cùng ai không cất giữ, có người nghe mà không theo khuôn phép rồi chê bai là tiểu đạo. Hoặc theo khuôn phép mà không dùng, chỉ treo ở nơi nhà cỏ. Đây do bên trong không có thương xót, ngoài buông lung cuồng loạn, che lấp đường lối nương tựa, hại giếng mối giáo pháp của ta, ông phải hết sức giữ gìn, há chỉ bốn đời nương cậy, mà Tam bảo được thêm sáng.

BÀI PHÚ VỀ TÍCH TRƯỢNG

Ta có một tích trượng có cách thức sử dụng, trên dưới ba đỉnh, cán cao sáu thước, mười hai vòng tròn không thiếu, biểu thị cho nhân duyên, là tử là sinh, hai cơ mở ra mà lại đồng, nói lên không hữu, chẳng lìa, chẳng tức. Không dùng để đánh đập, chỉ mang khi khuấy thực. Cầm nó thì an nhiên vắng lặng, rung nó thì kêu lịch tích, muốn làm cho cửa các cõi mở, ba đường khổ dứt, tùy thân thì vách phen dứt hẳn, trần cấu dễ sinh ra cần phải lau chùi, vất bỏ ngoài mây không cho là nạn, giải hổ mạnh hề chưa phải là nhọc sức. May thay phạm ngu, đập dấu vết bậc Thánh, bên ngoài tỏ lộ thô bạo, bên trong ấp ủ gai góc, dùng nó bỏ nó không hề sợ hãi.

VĂN RĂN VỀ VO GẠO CỦA THIÊN SƯ TÔNG TRÁCH.

(1083) Gạo đầu phải thiên nhiên. Gạo không phải từ đất vọt lên, đều do mồ hôi nước mắt của chúng sinh đổ ra mà có, chính là máu thịt của đàn-việt, vốn vì chữa bệnh hình khô, vì thành đạo nghiệp, bình thường thọ dụng còn sợ khó tiêu, huống chi rửa sạch tinh anh chỉ là gần gan đục, hoàn toàn nếm vị nhờ vào màu đẹp thơm ngon, khéo léo ngàn mối nghĩa là thân cá thịt, dù hình dạng lông ngỗng như tuyết trắng, theo dòng nước lìa nhà thường; miện ăn ba phần bỏ hai, như thế thật uổng phí, thật không hổ thẹn, mật mù cày cấy gian nan, giảm bớt đi sự ủng hộ của rồng thần, dù cho đầy đủ phước báu của Luân vương, vẫn phải bình võ nước tiêu. Tuy chẳng phải hại mạng tổn sinh linh, đâu không chiêu nhân với quả. Đức Đại giác Thế Tôn một hạt mè hạt thóc. Bạc Cao Sĩ xưa nay rau quả no đủ, uống ăn đổi đời chưa dứt, thì mong lúc giải thoát làm sao có? Chỉ nguyện tham thiền được tủy, đâu cần vo gạo tìm gân. Dù tiêu vạn lượng vàng ròng, chính là canh thô cơm nhạt. Đã tránh khỏi đa cầu ngại đạo, tự nhiên hưởng đến chỗ thanh cao.

Tuy nói gia phong đạm bạc, chẳng phải là một thứ an vui, thống tướng viên thông từ huấn, thật kham đối xương tủy ruột. (Thiền sư Pháp Vân Viên Thông thường dạy học trò không được vo gạo). Suy nghĩ sâu về khuôn phép của lão Thuấn, phải là chặt đinh cốt sắt. (Hòa thượng Vân Cư Thuấn chế định thường trụ và các nơi đều không được vo gạo. Đại chúng đồng suy đạo niệm, chớ chê bai cúng dường rau cỏ. Dù cho chặt đầu tăng xuống núi, cũng quyết định không vo gạo thường trụ. Ngày mùng 1 tháng 11 niên hiệu Nguyên Phù thứ 3, trụ trì Tông Trách bạch.

Tẩy tâm vẫn còn ở giữa đường, vo gạo không hề chấn cổ phong. Ngày ngay tông lâm nghĩ lão Thuấn, thời xưa Tông tượng nhớ viên thông. Trồng lúa gạo cực nhọc, siêng năng gian khổ. Chớ đem vo gạo làm bàn cơm, là thương xót phí tình khác gì, giống như thịt của Sơn Tăng.

Mặc là năm được mùa còn tổn phước, dù cho năm xấu cũng tổn tài, ân cần vì báo các thiền giả, buộc giữ đầu dây lại không mở.

Cho dù có dư phải thương tiếc, không nên quá phần, không hổ thẹn, ông già Diêm la thật khó hiểu, chủ lúa rồng thần, ý chưa cam, cho nó phí này không tranh nhiều; muôn việc đều từ vo gạo sinh, vua Thuấn ngày xưa làm bình sơn, trăm quan còn ngăn không cần làm.

Trong gạo có gân phải có chân, bỗng nhiên bỏ gân chân đi khó, nhà mình mê ăn tình còn mệt, hơn cùng người khác ý chưa bình.

Điều hòa hương vị như thịt chân, tranh mùi béo tươi làm cá giả, vẽ Phật đã xong thành đạo quả, voi sinh đầu được chứng Vô dư.

Ba đông chỗ vo lạnh đến xương, chín hạ khi nấu mồ hôi chảy, phí nước phí dầu gồm phí lửa, nhọc người, ngọc vật cũng nhọc thân. Đạo giả ăn đơn sơ thích hữu dư, người tịnh lại không phí công phu, tâm thường tỉnh khắp cung thừa ngoại, được mất tham thiền tụng kinh Phật.

Không học năm vị thiền các phương, ở đây tin tức dối thiên nhiên, Thành Thang chúc lười theo ý anh. Là vọng thả câu tin duyên ta.

Ba thời tỉnh khắp về thiền thất, một niệm vô tâm qua khe hổ, trong bát cơm đầy gạo thóc thô, trong thùng, canh là rau vàng lạt. Ngọc thực tôn quan chớ động tình, theo đường trai phạn sinh thô lấm, cửa không bình đẳng không cao thấp, ngàn Thánh xưa nay một lối đi.

Đàn-việt tín tâm cũng trai duyên, chớ đem rau cải vung rãi khắp, đại để tinh thô cùng đồng no, luận công thô qua nhiều kiếp số. Người xưa tu hành lợi ích sâu, Tân-la chẳng phải trái tông lâm. Tuy nhiên lạnh nhạt không mùi vị, tỏ rõ thiền gia một tấm lòng.

Quân thân nghĩa trong từng khinh bỏ, thủy lục bếp tinh còn xa xôi, ngày nay tình này vẫn chưa dứt, cúi đầu nghĩ lại lúc xuất gia.

Lau mâm chùi bàn gượng tiếp đãi, hổ thẹn bốn phận tăng thiền lâm, tâm đạo xuất thế giảm dần dần, thuận tình nhân sự tăng theo tuổi. Tông lâm khô nhạt thành rừng củi, nhật dụng tiêu điều ý cần khô; không vo gạo mười phương thường trụ, chỉ tham tâm Tổ Sư sáu đời.

Chớ cho người nay giống người xưa, suy lường đều là có thân sơ, đương thời dựng mài phân da tủy, con cháu đời sau vo gạo cơm. Lau trai dễ đủ an vui mãi, thức ngon khó tiêu tổn duyên đạo, lại thấy khách dưới rừng bên suối, một đời vô sự sống lâu. Đã học hoại y làm khát sĩ, nhẫn khoe buổi tiệc chớng Vương Công, có người hiểu cười, theo người cười, cam đứng dưới gió giương cờ cao. Chẳng phải lo nghèo, chẳng phải keo, dứt buộc ăn nói hợp như nhiên, thượng sĩ rõ tâm đáng giao cho, nhiều miệng thiền hoa chớ loạn truyền. Sữa kiệu hành, tanh tổn giới hương, uống ăn xa xỉ phí của người, như nay nét bút đều xơ toẹt, chuyển bát cửa không, mùi khí sinh. Vo gạo cuối cùng ất hóa khó, lần lửa nhiều bệnh chướng khinh an; phước đức phàm phu có nhiều ít, dù cho rét lạnh cũng biết nóng. Mặt mũi xưa nay rất rõ ràng, theo sóng gió héo hắt một đời, đáng bị Cao sĩ tông lâm cười, thiên chân tán tận được phù danh. Cao Tăng tài giỏi không bè phái, mũi thấu trời xa khí tới mây, còn chê thiền duyệt vị quý lạ, không chịu bữa bái thích gạo gân.

Sơn tăng lúc đầu chưa gian nan, chấn lệnh đề cương như đợi nhàn,

mười lăm vạn cân gạo thường trụ, đã theo dòng nước qua nhân gian.

Tuy nhiên chỉ việc ngựa khó rõ, đồng lối cùng công chưa thể nương, tiếc phước thời này nhân đại chúng, vô tầm lúc ấy là sơn tăng.

Chiêu đề ủng phí họa khó lường, thấy nói nê-lê năm tháng dài, lại sợ lúc nào ngăn đạo nghiệp, chẳng như ngày nay lại tầm thường. Chấp sự tông lâm chớ ngu si. Quả khổ trả nhân đâu chịu nổi, lại nghĩ các nơi hỏi Vương lão; không biết đấng cay cái nào ngọt.

Nhà Tăng cơm một bữa nuôi thân, tiếc phước xưa nay răn gạo cơm, ăn của hàng thịt thật đáng thẹn, mua rượu một ngàn lại người nào.

Trời xanh ba Vũ họa Tông ta, Thích Tử về nhà chùa tháp không, đáng là ngày sùng phụng năm xưa, không thể thanh kiệm giữ chân phong. Sơn Tăng đất riêng đổi nhà thường, vẽ được môn ta lại lâu dài. Nếu hưởng lúc này phụng dưỡng xa, khởi dạy ngày khác lắm quân vương. Đường triều sắp tận việc rất nhiều, lửa binh thiêu hết muôn muôn nhà, ngày ấy thối binh nghĩ kiệm ước, có thể hoa trong ổ giặc loạn. Gió yên ngày tốt kiệu đi xa, tiến tới thái bình cất cỏ họa, sở dĩ môn ta thêm đậm bạc, tính toán thiên hạ dứt rồi ren. Nhiếp phục trời rộng động quỷ thần, bởi nhân hạnh cao vượt phàm luân, theo giáo xưa nhạt không người thích, chỉ thanh tu này là hóa môn. (1084) Tuy nhà giàu có việc khó đồng, thiên duyệt thích hợp trong đậm bạc, cuồng miệng nếu biết không mùi vị, giảng đầu mới thấy chẳng không không.

Người thọ phước thường tiếc phước ít, được tiện nghi rơi vào tiện nghi, bánh hồ vân môn cơm trâu vàng, hễ tâm no đầu quên trăm đời. Ca-sa trăm mảnh, bát năm nứt, hai thời há lại tính tinh thô, sa-môn rớt ráo nên thanh khổ, ấn dụ tu hành đạo nghiệp thông. Thái bình người vật đổi tâm khai, thọ dụng buộc ràng dưỡng thai họa, hổ thẹn chưa sinh si phước tận, tai ương mưa hạn thành linh đến. Thái bình sinh tuổi tăng gia dần. Ăn ngon mặc đẹp bình đưng hoa, địa phương có cùng tài có hạn, thời gian tiết kiệm không xa xỉ.

Bài minh về tâm thầy của Pháp Sư Biện Tài Tịnh chao ôi! Thân này, sinh ra làm chi? Dùng thức ăn để giúp, dùng áo che thân, dùng nhà để ở, bệnh thì có thầy thuốc, trăm việc một lúc phải đem cấp dưỡng không thiếu. Thật không biết ơn mà lại sinh oán, bốn đại chống nhau, năm tạng không hòa. Thân này vô thường, một khi dứt hơi thì sang đời khác. Thân này vô thường một khi dứt hơi thì sang đời khác. Thân này chín lỗ bài bất tịnh chảy đầy, trăm ngàn ung thư, ba loại tịnh quán, mười sáu tư duy, một bước không lùi, an dưỡng về Tây, thành trí vô thượng

đó là tâm thầy.

Bài minh dưới tòa của Đại Sư Thiên Nguyệt về lời tựa rằng: Tôi thường thấy Bạch Thái Bảo làm một bài Tử Ngọc Tòa Hữu Minh, Yếu chỉ ngôn từ ấy có văn chương và điển tích, lại tha thiết, thật có thể để cảnh sách người chưa ngộ dẫn dắt đời tương lai. Kế lại thấy Diêu Tông Khải Lan nói về Lý Ung đều có văn này rất sâu kín, chính là lời răn dạy xưa nay. Tôi rất thích văn này, chỉ tiếc người thế gian không thể thực hành, trong mười người chỉ có hai, ba người thực hành. Một ngày nhân Tụ Hào bèn làm thừa mệnh của họ Tục Bạch.

Bài minh dưới tòa của Diêu Lương Công, tuy văn ngang lý dọc không kịp các công mà cũng có thể ghi vào bức vách nhà. Khéo là thân ông, hạnh là tánh mạng ông, họa phước chắc chắn chuyển được, không gì đẹp bằng nói tiền định, thấy người được cũng như mình được, đẹp thì không thể không hay. Thấy người mất cũng như mình mất thì đây là hưởng điều tốt lành. Trái với những điều này thì quỷ trời sẽ giết hại, phước trước họa mới, thích xem xét giềng mối không được thì không thôi. Giữ khiêm cung ít muốn, tốt ra tốt, xấu ra xấu, không được thì không làm, không tỏ vẻ giàu sang mà chê bai người đi khiêng chân, không khinh bỉ người nghèo cùng, trên dưới nương nhau. Bạc Thánh xưa viết sách chăm lo đầu đầu trung hiếu tín hạnh vượt qua ăn mặc, sống giữa trời đất chưa ai chẳng cậy nhờ, thân nguy cảnh vòng, cầu ngựa chạy nhanh, vì sao không tự cường, lên ngôi nhà ngọc, tự đọa lời dối hành nguy, sắc đẹp dẫn đến ương lụy thế gian ông cần phải dạy, rượu thịt, ruột ông cần phải sợ, cố gắng vững chí, đồ ngã ắt sẽ vỡ. Cái sai không gì bằng vun bồi cho cái sai, các lỗi không gì bằng lỗi trang sức thêm cho cái lỗi, chính là con cháu vật âm công chắc chắn là phong, không nhớ văn học là quán ít có, hoạn theo bất nhẫn, hại theo không đủ. Một đây, một kia sở quan hợp nêu, xấu không phải là bóng nước, dòng suối trộm chẳng phải là nước. Đời tin có cỏ sinh ra các loài, phải như nước như ngọc. Trồng đào trồng mạn, ghét cái ác của người, đền ơn đáp nghĩa, chột sự khinh mạng của mình thành cái tốt của người, không lấy hư danh không trái chí lý, điềm hòa thông sướng, dung hội đầu cuối, cảnh trời người tận cùng ở đây mà thôi, dặn dò dặn dò, hãy ghi nhớ lấy.

Hòa thượng Hữu Vân Mâu ở núi Nang Tế, Cát Châu nói về Xà Uế: Trên thế gian này loài độc nhất không gì hơn loài rắn hổ mang. Thứ như ếch nhất không gì bằng tiện lợi. Bởi vì cái độc của rắn hổ mang có thể hại tánh mạng con người. Sự ô uế của tiện lợi sẽ làm ô uế thân

người. Cho nên muốn giữ gìn tánh mạng con người thì phải xa lìa sự độc hại. Muốn làm trong sạch thân hình thì phải trừ bỏ ô uế. Như người thế gian mộng thấy rắn thì vui mừng nghĩ có tiền bạc. Mộng thấy tiện lợi thì mừng mình được lợi. Tại sao thức ngủ, ái ố lại khác nhau? Nếu biết sợ hãi có sợ hãi, thức dậy có sợ sao lại nhất định thấy niềm vui này về của lại hơn cả tiện lợi. Lại nữa, người xưa vì tài của mà hại đến tính mạng, chẳng phải chỉ một người, vì lợi làm ô nhiễm thân hình cũng do những thứ này, mà người không ngộ yêu thích nó không thôi. Tham nó không dừng, thật cũng có thể đáng thương. Lại nghèo giàu là sự phân định của con người, có thể an phận mình tuy nghèo cũng vui, không an phận mình dù giàu cũng thường lo âu, ta biết được phận có thể an, nghèo có thể vui, thì tánh mạng có thể giữ gìn mà sống, thân hình có thể thanh khiết mà tồn tại. Bởi thế người tham tài của là cấp dưỡng cho hổ mang; người ham lợi chắc chắn ô uế thân mình.

Ta không thích nghèo là xa độc hại, ta không ghét giàu là trừ ô uế. Như có người xa lìa của cải như xa lìa rắn độc, trừ bỏ lợi như bỏ đồ tiện lợi (dơ uế). Ta bảo họ người này dần dần có thể làm con người thấu hiểu tất cả. Không như vậy thì đời đời tham ái không thôi, chắc chắn sẽ bị tổn hại tánh mạng và làm ô uế thân hình. Người thế gian cần phải thuận theo.

Thư Thiền sư Đại Tuệ, trả lời Tôn Tri Huyện: Người sở dĩ tu học kinh Kim Cương hiển bày tướng của nó may được tùy hỷ một lần. Gần đây, các Đại sĩ phu chịu như phải trái dồn tâm vào nội điển, thật là ít có, không được ý thú thì không thể tin được như thế. Xem kinh không tường tận thì không thể hiểu rõ nghĩa sâu mâu diệu trong kinh, thật giống như hoa sen mọc trong lửa. Nghiên cứu ý vị đã lâu không thể không nghi bợn tả hữu mắng chê các Thánh phiên dịch mất đi chân chánh mà dẫn đến loạn bốn chân. Văn cú thêm bớt trái với ý Phật.

Lại nói: Từ đầu trì tụng hiểu biết cái sai của mình, muốn tìm gốc định chính là sai lầm lẫn lộn, mà học theo sự tà ngụy đã lâu thì sấm tội đồng nhất loạt. Đã được Tạng Bốn của kinh đô mới có nơi y cứ. Lại khảo cứu tìm tòi các luận tụng của ngài Thế Thân và Vô Trước thì nghĩa ấy hợp bèn phân chia ra không nghi. Lại dựa theo hai sư Trường Thủy và Cô Sơn đều y vào câu cú mà trái nghĩa. Không biết mà những người chung quanh dám phê bình như thế, thì chắc chắn thường thấy bản phạm dịch vào thời Lục triều, đều được các sư phiên dịch sai lầm, mới phân chia không nghi. Đã không có bốn Phạm mà không theo rồi loại bỏ ý Thánh, thì lại chưa nói về vờ nhân cảm quả, hủy báng lời dạy

của bậc Thánh thì đọa ngục vô gián. E rằng có người hiểu biết thấy điều đó lại như bợn tả hữu. Xem xét về lỗi của các sư còn đắm trước bốn nhân. Người xưa có nói giao cận mà nói sâu thì vời lấy con đường tội lỗi. Mõ và tả hữu không rõ bình sinh. Tả hữu lấy kinh này tìm cầu ấn chứng, muốn truyền bá muôn đời. Ở trong thế giới chúng sinh giới trông hạt giống Phật. Thứ nhất đồng với hiểu sự mà lại cho mõ là người ở đây, cho tin tức ở đây, trông mong vào bên ngoài của hình khí. Cho nên chẳng dám không kính bậc trên. Xưa Quốc sư Thanh Lương soạn Hoa Nghiêm số, muốn dịch đúng những chỗ sai lầm mà không được phạm bốn, nhưng chỉ viết ở cuối sách mà thôi.

(1086) Như trong phẩm Phật Bất Khả Tư Nghị Pháp cho là tất cả chư Phật có vô biên thân, sắc tướng thanh tịnh vào trong các đường mà không đắm nhiễm Thanh Lương chỉ nói quyển thượng phẩm Phật bất tư nghị pháp, trang ba, hàng mười. Tất cả chư Phật đã thoát ra ngoài chữ nghĩa. Đối với kinh này được giải thoát, đều chừa ở sau kinh. Thanh lương là bậc Thánh Sư, không thể không thêm vào và bỏ bớt, chỉ dám viết ở sau kinh. Người biết pháp thì sợ. Lại trong kinh có nói bảo lưu ly lớn. Ngài Thanh Lương nói: e là phệ-lưu-ly. Bốn chữ viết nhầm cũng không dám sửa, cũng chỉ như thế, chú ở sau kinh. Các Sư phiên dịch thời lục triều chẳng phải đều là người hiểu biết cận, phiên dịch lại có người dịch ngữ, có người dịch nghĩa, có người nhuận văn, có người chứng phạm ngữ, có người chánh nghĩa, có người hiệu đính về bốn phạm đời Đường, mà những người cho ta dịch sai ý Thánh, tả hữu đã không có được bản Phạm, bèn vọng phê phán, lại muốn cho người đời sau tin chắc không phải là khó ư?

Như nói về Trường Thủy y vào câu cú mà trái nghĩa, không có bốn Phạm làm y cứ, như thế vì sao lại quyết định cho đó là sai? Công này tuy là người giảng nói, không giống với người giảng nói khác. Từng tham vấn sư Lang Da Quảng Chiếu Tường, nhân hỏi Lang Da: Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, Ngài Phú-lâu-na hỏi Đức Phật nghĩa Thanh tịnh bản nhiên vì sao bỗng sinh ra núi sông, đất đai. Lang Da bèn lớn tiếng nói: Thanh Tịnh bản nhiên vì sao bỗng sinh ra núi sông đất đai, Trường Thủy ngay lời nói ấy đại ngộ. Sau đó mới dũ tay áo tự xưng là Tọa chủ. Bởi vì Tọa chủ phần nhiều là tìm hàng đếm mực. Tả hữu cho là y vào câu cú mà không nương theo nghĩa. Trường Thủy chẳng phải không thấy biết cũng chẳng phải là người tìm hàng đếm mực, không vì đầy đủ tướng mà được Vô thượng Bồ-đề.

Đoạn lớn trong văn kinh rõ ràng, văn này ý rất cận cợt, tự là tả

hữu câu kỳ quá lắm, muốn lập sự hiểu biết riêng, tìm người theo mình. Tả hữu dẫn luận của ngài Vô Trước rằng: vì pháp thân lẽ ra thấy Như Lai, chẳng cho tướng mà đầy đủ. Nếu thế Như Lai tuy không nên dùng tướng đầy đủ để thấy, ứng tướng đầy đủ là nhân được Vô thượng Bồ-đề là xa lìa điều này. Kinh nói: Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Như Lai có dùng (?) tướng để thành tựu Vô thượng Bồ-đề không?

Tu-bồ-đề thưa: Con không nghĩ như thế. Nghĩa này nói rõ tướng đầy đủ, thế chẳng phải Bồ-đề, cũng không dùng tướng đầy đủ làm nhân. Vì tướng là tự tánh của sắc. Đoạn lớn luận này rõ ràng, tự do tả hữu thấy lầm hiểu sai. Sắc là duyên khởi của tướng. Tướng là duyên khởi của pháp giới. Thái tử Lương Chiêu Minh cho là: Đừng nghĩ như vậy: Như Lai không dùng tướng đầy đủ để được Vô thượng Bồ-đề. Trong ba mươi hai phần cho phần này là phần vô đoạn vô diệt. Sợ Tu-bồ-đề không dùng tướng đầy đủ thì duyên khởi diệt. Bởi vì Tu-bồ-đề lúc ở trong thai mẹ đã biết được về vắng lặng, thường chẳng trụ vào tướng duyên khởi. Sau đó dẫn luận của Bồ-tát Công Đức Thí: Đỡ mặt pháp sau này nếu dùng tướng thành tựu là chân thật có. Khi tướng này diệt thì gọi là đoạn. Vì sao? Vì sống cho nên có đoạn (chết). Lại sợ người không lãnh hội, lại nói: vì sao tất cả pháp là tánh Vô sinh. Cho nên xa lìa hai chấp thường và đoạn. Xa lìa hai chấp là tướng pháp giới không nói về tánh mà nói tướng, vì pháp giới là duyên khởi của tánh, vì tướng là duyên khởi của pháp giới. Không nói tánh mà nói tướng; Lương Chiêu Minh cho là vô đoạn vô diệt. Đoạn này lại càng rõ ràng, lại là Tả Hữu câu kỳ quá lắm, gắng sinh ra tiết mục. Nếu kinh Kim Cương có thể tước bỏ thì một đại tạng giáo hễ có người xem thì mỗi người tùy ý hiểu; đều có thể loại bỏ. Như trong luận ngữ, Hàn Thối chỉ ra rằng: chữ họa mà viết thành chữ Trú tự rồi cho là bốn cũ sai. Vì Hàn Thối là người hiểu biết nên có thể sửa đổi, mà chỉ luận ở trong sách như thế, tại sao cũng là người biết pháp mà lại sợ.

Thiền sư Khuê Phong Tông Mật soạn viên giác số sao. Ngài có chứng ngộ trong kinh viên giác mới dám hạ bát. Vì trong kinh Viên Giác nói tất cả chúng sinh đều chứng Viên giác. Ngài Khuê Phong đổi chữ chứng thành chữ Cự (sẵn có), cho là người dịch sai lầm mà không thấy bốn Phạm, cũng chỉ nói như thế, trong số không dám tự tiện sửa đổi chánh kinh.

Sau này Hòa thượng Lạc Đàm Chân Tịnh lựa chọn đều chứng luận, trong luận chửi mắng Ngài Khuê Phong, cho là phá phạm phu tanh hôi. Nếu tất cả chúng sinh đều sẵn có viên giác mà không chứng thì súc sinh

mãi mãi là súc sinh. Ngạ quỷ mãi mãi là ngạ quỷ, tất cả chúng sinh cùng tận mười phương thế giới đều là chùy sắt không lỗ (chỉ cho người tham học đần độn). Lại không có một người nào phát chân về nguồn, phàm phu cũng không cần cầu giải thoát. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều sẵn có Viên giác, cũng không cần cầu chứng. Tả Hữu cho bốn kinh của tạng ở Kinh đô là đúng, rồi y cứ vào bốn ở Kinh đô.

Nếu Tạng Bốn ở Kinh đô từ ngoại phủ châu nhập vào, như hai tạng kinh ở Kinh Sơn đều là lúc Triều đình rất thịnh vượng mới ban cho, cũng là kinh ngoài phủ châu được viết ra, muôn điều mới có một điều sai lầm, lại làm sao cải chánh. Tả Hữu nếu không có nhân ngã, thì chắc chắn cho lời Diệu Hỷ là chí thành, không hẳn chìm vào một sai lầm lớn của xưa nay. Nếu chấp cái thấy của mình là đúng, quyết định muốn sửa đổi, muốn tất cả mọi người chửi mắng một người tùy ý khắc bản lưu hành, Diệu Hỷ cũng chỉ được tùy hỷ khen ngợi mà thôi. Ông đã được, bèn sai người đem kinh đến xin ấn khả. Tuy không biết nhau mà lấy pháp làm thân quen. Bất giác lo cho việc không thuận theo, thấy ông đến thật là điều không để ý. Tả Hữu muốn nghiên cứu cùng tột về giáo thừa tạo nghĩa sâu kín phải tìm một giảng sư đức hạnh, danh tiếng, nhất tâm nhất ý tham cứu về giáo điển tường tận, thấu suốt tất cả, giống như dồn tâm vào cương giáo. Nếu chưa rõ việc lớn sinh tử vô thường mau chóng thì phải nhất tâm nhất ý tìm một bổn phận làm nhà thì có thể phá được hang ổ sinh tử của người và bờ mé công phu đấm chết kia. Bỗng nhiên đập vỡ thùng sơn chính là chỗ thấy suốt. Nếu chỉ cần bỏ ra cho đầu đề một cuộc nói chuyện, đạo ta thông suốt các sách chẳng điều gì không thông đạt, thiên ta cũng hội, giáo ta cũng hội. Lại có thể xem xét, cho là đạt đến chỗ các bậc tiền bối dịch chủ giảng sư không đạt tới, ra về ta cũng hiểu được, thì bậc Thánh tam giáo đều có thể xem xét, cũng không nhất định lại tìm cầu người khác ấn khả, sau đó buông lung thì thế nào, thế nào?

Thư Hòa thượng Phật Giám Khắc Cần gửi cho Hòa thượng Phật Quả Cần: xưa phụng thừa Tổ Phong lão sư, có nghe lời này: Nay người học đạo chốn tông lâm mà danh tiếng không vang, không làm thủ tín cho người bởi phạm hạnh không trong sạch, làm người không xác đáng, chỉ muốn tiếng tăm lợi dưỡng, mới khoa trương tô vẽ điều hay cho mình, bị người hiểu biết chê bai. Cho nên che lấp sự yếu đuối của các ông. Các ông sau này may mắn làm thầy khuôn mẫu của trời người, rồi thích hợp với việc này tự cố gắng, mới được nghe điều ấy, bèn ghi trong lòng những bậc tài giỏi, rốt cùng thân tụng không dám quên. Gần đây có một

thiền khách đến đây kể lại. Thiền sư Giáp Sơn gần đây tỉnh Tuyết Đậu cho huynh đệ, cơ lớn giải thích chỗ khác nhau về sự sâu kín của Ngài, vượt qua các vị khắp nơi, thật từ xưa đến nay chưa từng có. Mỗ nghe điều đó bất giác rơi lệ, tự cho Ngài là bậc sống ẩn sao lại đến đây; lão huynh sao không khen ngợi, khi Đạt-ma chưa đến, nhân duyên dẫn dắt người học để báo đáp ân đức của bậc tiên Thánh, chẳng phải là lời kéo đến đây, thật là (1086) sai lầm lớn. Điều này do lão huynh xem rộng sự nhiệm mầu sâu kín xưa nay, mà không tức giận bọn tà dị thuyết thời nay, vì có mê mờ về yếu chỉ của nhân, đoạt phá đại dụng biến cố yếu của bậc tiên đức, để phá tan ý nghĩ mờ tối ấy. Song bậc cao minh biết xa, có người cho rằng cái thấy thanh cao ấy không ngoài điều này. Vì sợ làm mờ tối kẻ hậu sinh, nghi lời ấy câu ấy là tốt đẹp, cho là Phật pháp chỉ như thế, bèn ngồi trong hóa thành không thể tiến đến đảo châu báu, bị hại không ít. Tóm lại không chỉ tổn hại đến tông giáo cũng chính là không có ích đối với người học. Mỗ không sợ tội trách cứ. Dám đem lời của bậc tiên sư truyền trao để nói với tả hữu, để tự khuyên thì may mắn không gì lớn bằng. Nếu cho cái thấy này bỏ đối với tôi cũng không có tội đối với tả hữu, thì không nên. Thư Đáp Hòa thượng Đầu Tử Thông: Mỗ kính bạch! Nhiều lần nghe Bình Tích phó duyên với Đầu Tử, bốn phương quy về đức hợp với sự khâm phục thừa nhận, không có gián cách, thì đồng với gió khác với vui, lại có thể biết, nhân đem thư đến, dùng pháp dẫn dò, than ôi thật khó được. Chưa rõ Thiền sư đặc pháp với vị nào. Nếu là phái chánh Tông Lâm tế của Phần Dương đâu may như vậy. Từ trên các vị tiên tổ mỗi vị đều có Tông chỉ mật truyền, để biện rõ chánh tà, để xem xét người; sau đó mới ẩn khả. Chư Phật ba đời, sáu đời Tổ sư, muôn tượng sum la hữu tình vô tình dùng tam-muội hải ấn, để ấn định, khắp trời đất không một mảy sót mất. Từ Thiền sư Bách Trượng Đại Trí trở xuống thay nhau nối tiếp cho đến câu Phần Dương có ba loại sư tử:

- 1/ Pháp nhàn phi thường (siêu Tông dị mục).
- 2/ Tề mi cộng trục (bằng mày cùng vết).
- 3/ Ảnh hưởng tiếng nghe.

Nếu Pháp nhàn phi thường vượt qua chủ vị Thiền sư các phương là trống rỗng. Nếu bằng mày cùng vết là giảm làm thầy nửa đức, không xứng đáng truyền thọ. Nếu ảnh hưởng, không chân thì thể hổ lang dị loại làm sao phân? Từ Minh truyền dạy điều đó.

Bèn nói: Trời đất trên lòng bàn tay ngàn sai đều một chiếu, Dương kỳ truyền dạy điều đó, thì dùng vòng kim cương gai góc, để nghiệm

chánh tà, núi Thiết Vi có thể suốt qua, vòng kim cương không thể suốt qua. Nước biển lớn có thể nuốt, lúa cỏ gai không thể nuốt.

Nếu nuốt được một cọng cỏ thì trăm ngàn muôn ức cỏ nuốt không ngại. Nếu suốt qua được một vòng thì trăm ngàn muôn ức vòng suốt qua vô ngại. Từ Dương Kỳ truyền đến Sư ông Bạch Vân Thủ Đoan, sư ông truyền đến tiên sư ngũ tổ, Tiên sư truyền đến Tân Giới, nhiều đời truyền nhau, nếu lãnh ngộ sâu, biện rõ chánh tá, dè dặt phải cẩn thận, sợ lạm tông thừa; có sự sai lầm cho kẻ hậu học. Mồ tự đến Tiên Sư ẩn khả, nắm chắc thái bình, hoàn toàn thấu suốt, sáng tối hợp nhau, cao thấp một loại, muôn loại đều rõ, chánh tà rỗng rang, không dám qua mặt. Bởi thế ngàn sai muôn khác biết công án ngoa ngụy, không ngoài vòng kim cương gai góc, một lúc nhiếp hết. Nếu nuốt được cọng cỏ, suốt qua một vòng thì trăm ngàn muôn ức, cỏ, vòng đều vô ngại, vô ngại đọi dung, vạch sáng nghi ngờ quanh co, xem xét còn đồng phù hợp không sai, tức là may mắn lắm. Nếu chưa như vậy, thì không dám tuân mạng. Kính cẩn nghe theo ít thấy tường tận, không tuyên bày.